TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊNTHÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **46** /2019/HNGĐ-ST Ngày: 28/6/2019 V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"	Yên Thành, ngày 28 tháng 6 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Giang.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Hùng.
2. Ông Nguyễn Đức Quỳnh

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành – tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2019/QĐST-HPT ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Thái Văn T** – sinh năm 1990
Địa chỉ cư trú: xóm 9, xã L, huyện Y, tỉnh N.(có mặt)

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị Phương L** – sinh năm 1995.
Địa chỉ cư trú: xóm 9, xã L, huyện Y, tỉnh N. (vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Thái Văn T trình bày: anh và chị Lê Thị Phương L chung sống với nhau từ năm 2009, nhưng đến ngày 12/01/2015 mới đăng ký kết hôn, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh N. Sau ngày kết hôn vợ chồng chung sống tình cảm bình thường được khoảng gần nửa năm thì phát sinh mâu thuẫn, ngày một căng thẳng và trầm trọng. Nguyên nhân chủ yếu: do tính

cách không hòa hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra xô xát, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Bản thân anh cũng như hai bên nội ngoại khuyên bàn hòa giải nhưng không thành. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2015 cho đến nay, không còn qua lại, quan hệ gì với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không có khả năng để hàn gắn đoàn tụ được nữa, nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lan.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là: Thái Yến N – sinh ngày 16/31/2011. Ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung đến lúc trưởng thành, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị Phương L theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chị L vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành làm việc được với chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Đối với chị Lê Thị Phương L. Đây là phiên tòa được mở lần thứ 2 nhưng chị L vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L.

Xét hôn nhân giữa anh T và chị L là hợp pháp, tuân thủ các quy định của pháp luật. Song qua xem xét thực tế và xác minh tại địa phương thì thấy rằng, cuộc sống của vợ chồng thời gian gần đây không được hạnh phúc, tính cách không hợp nhau. Mâu thuẫn liên tục xảy ra và đã thực sự căng thẳng, trầm trọng, hai bên đã sống ly thân nhiều năm nay không còn tình cảm gì với nhau nữa. Tòa án đã khuyên bàn hòa giải nhưng anh T vẫn một mực xin được ly hôn. Xét đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh T xin ly hôn chị L là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về con chung: Anh T và chị L có 1 con chung như đã nêu ở trên. Ly hôn anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con đến lúc trưởng thành, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng. Xét nguyện vọng nuôi con của anh T là chính đáng, hiện tại con đang sinh sống cùng anh T từ nhỏ tại xóm 9, xã L, thu nhập của anh T ổn định, đảm bảo cho việc nuôi con. Qua lấy lời khai hỏi ý kiến của con trên 7 tuổi thì cháu

N có nguyện vọng xin được ở với bố. Mặt khác, chị L thường đi làm ăn xa, vắng nhà nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con. Do đó, cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cũng là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị L vì anh T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát có ý kiến phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký cụ thể như sau: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện các quy định tại điều 203 BLTTDS năm 2015. Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp. Việc chấp hành theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX và Thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án. Với các tài liệu do đương sự cung cấp và thẩm phán thu thập có tại hồ sơ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và yêu cầu về con chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình.

Xử: Cho anh Thái Văn T được ly hôn chị Lê Thị Phương L.

Về con chung: Giao con chung là Thái Yến Nh– sinh ngày 16/3/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị L.

Chị Lê Thị Phương L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc anh Thái Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Túy đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Thành theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003641 ngày 04/4/2019. Anh T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Anh T có mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L vắng mặt,

được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày, nhưng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gửi: ***(Đã ký)***

- VKS H. Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H. Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND Xã
- Lưu hs, VP

Phạm Văn Giang